|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN** **XÃ KỲ VĂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**MỘT SỐ CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT**

**CÓ HIỆU LỰC TỪ THÁNG 08/2025**

 Trong tháng 08/2025 có 01 Luật, 02 Nghị quyết, 11 Nghị định, 05 Quyết định, 39 Thông tư chính thức có hiệu lực, sau đây là một số văn bản, chính sách quan trọng liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và liên quan mật thiết đến đời sống của Nhân dân:

**1. Luật Quản lý và đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp của Quốc hội, số 68/2025/QH15**

Theo đó, [Luật số 68/2025/QH15](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Quan-ly-va-dau-tu-von-nha-nuoc-tai-doanh-nghiep-2025-so-68-2025-QH15-578018.aspx) quy định về hành vi nghiêm cấm trong lĩnh vực quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp như sau:

- Đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp không đúng phạm vi, đối tượng và thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Can thiệp không đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Thực hiện không đúng quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước trong việc quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc quản lý, đầu tư vốn tại doanh nghiệp không đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

- Cố ý báo cáo không trung thực, không chính xác theo quy định của pháp luật.

- Cung cấp, sử dụng thông tin của doanh nghiệp, đại diện chủ sở hữu nhà nước không đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, nội dung quản lý nhà nước về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp được quy định cụ thể như sau:

- Ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Quản lý, theo dõi thống nhất tình hình đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; giải quyết khiếu nại, tố cáo và khen thưởng, kỷ luật, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng, khai thác, quản lý Hệ thống thông tin về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Luật này có hiệu lực từ ngày 01/08/2025

**2.** [**Nghị định 135/2025/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước**](https://luatvietnam.vn/tai-chinh/nghi-dinh-135-2025-nd-cp-ve-che-do-tai-chinh-va-giam-sat-dau-tu-von-nha-nuoc-402766-d1.html)

Theo đó, kế hoạch tài chính hàng năm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài gồm:

- Kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn;

- Kế hoạch thu nhập, chi phí, kết quả kinh doanh và chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước;

- Kế hoạch lao động, tiền lương.

Việc lập kế hoạch tài chính được quy định như sau:

\*\*Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:

(1) Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm, tổ chức tín dụng lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp và gửi Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phục vụ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước;

(2) Trước ngày 01 tháng 3 của năm kế hoạch, căn cứ kết quả kinh doanh của năm trước, tổ chức tín dụng rà soát, hoàn chỉnh kế hoạch tài chính gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính để phục vụ công tác giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Mẫu biểu lập kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn; kế hoạch thu nhập, chi phí, kết quả kinh doanh và chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước và kế hoạch lao động, tiền lương theo Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III Nghị định 135/2025;

(3) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện rà soát lại kế hoạch tài chính do tổ chức tín dụng lập để có ý kiến chính thức bằng văn bản và giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại đối với tổ chức tín dụng trước ngày 30 tháng 4 của năm kế hoạch.

\*\*Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ:

(1) Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm, tổ chức tín dụng lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp và gửi Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phục vụ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước;

(2) Trước ngày 01 tháng 3 của năm kế hoạch, căn cứ kết quả kinh doanh của năm trước, tổ chức tín dụng rà soát, hoàn chỉnh kế hoạch tài chính gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính để phục vụ công tác giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng. Mẫu biểu lập kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn; kế hoạch thu nhập, chi phí, kết quả kinh doanh và chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước và kế hoạch lao động, tiền lương theo Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III Nghị định 135/2025;

(3) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện rà soát lại kế hoạch tài chính do tổ chức tín dụng lập và xác định các chỉ tiêu đánh giá cụ thể để giao nhiệm vụ cho người đại diện vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng trước ngày 30 tháng 4 của năm kế hoạch.

\*\*Đối với tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: việc lập kế hoạch tài chính thực hiện theo quy định tại Điều lệ, quy chế tài chính và quy chế nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01/08/2025

**3. Nghị định 196/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 111/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự**

Nội dung này được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 [Nghị định 196/2025/NĐ-CP](https://luatvietnam.vn/ngoai-giao/nghi-dinh-196-2025-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-111-2011-nd-cp-ve-chung-nhan-lanh-su-404898-d1.html) sửa đổi, bổ sung về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự.

Theo đó, các giấy tờ được miễn hợp pháp hóa lãnh sự gồm:

- Giấy tờ, tài liệu được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo điều ước quốc tế mà Việt Nam và nước ngoài liên quan đều là thành viên, hoặc theo nguyên tắc có đi có lại.

- Giấy tờ, tài liệu được chuyển giao trực tiếp hoặc qua đường ngoại giao giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

- Giấy tờ, tài liệu được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Giấy tờ, tài liệu của nước ngoài mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam không yêu cầu phải hợp pháp hóa lãnh sự trên cơ sở cơ quan đó tự xác định được tính xác thực của giấy tờ, tài liệu đó.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 03/08/2025

**4.** [**Nghị định 188/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế**](https://luatvietnam.vn/y-te/nghi-dinh-188-2025-nd-cp-cua-chinh-phu-quy-dinh-chi-tiet-va-huong-dan-thi-hanh-mot-so-dieu-cua-luat-bao-hiem-y-te-405338-d1.html)

Theo đó, thời điểm thẻ bảo hiểm y tế của trẻ em có giá trị sử dụng được quy định như sau:

- Trẻ sinh từ 30/9 trở về trước: Từ ngày sinh đến hết 30/9 của năm trẻ đủ 72 tháng tuổi.

- Trẻ sinh sau ngày 30/9: Từ ngày sinh đến hết ngày cuối của tháng trẻ đủ 72 tháng tuổi.

Với học sinh đóng bảo hiểm y tế hằng năm thì giá trị sử dụng của thẻ bảo hiểm y tế như sau:

- Học sinh lớp 1: Từ ngày 01/10 năm đầu tiên cấp tiểu học; từ ngày cuối của tháng trẻ đủ 72 tháng tuổi nếu trẻ sinh sau ngày 30/9;

- Học sinh lớp 12: Từ ngày 01/01 - hết ngày 30/9 của năm đó. Khuyến khích học sinh lớp 12 đóng bảo hiểm y tế và hưởng mức hỗ trợ đến hết 31/12 của năm học cuối để bảo đảm liên tục quyền lợi bảo hiểm y tế, không phải hoàn trả phần kinh phí hỗ trợ trong trường hợp thay đổi đối tượng.

**8 điểm mới tại Nghị định 188/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Bảo hiểm y tế:**

## **- Trường hợp được thanh toán trực tiếp khi tự mua thuốc, thiết bị y tế từ 01/7/2025 quy định tại Điều 58 Nghị định này;**

## **- Các trường hợp chưa có thẻ/chưa xuất trình thẻ BHYT vẫn được thanh toán: Trẻ dưới 6 tuổi chưa được cấp thẻ BHYT; Người đang chờ cấp lại, đổi hoặc điều chỉnh thông tin thẻ; Người cấp cứu, mất ý thức hoặc tử vong chưa xuất trình được thẻ; Người có thẻ BHYT bị mất, hỏng, sai thông tin nhưng chưa được điều chỉnh; Người thuộc nhóm do ngân sách nhà nước đóng BHYT nhưng chưa được cấp thẻ.**

## **- Quyền lợi của người tham gia BHYT 5 năm liên tục theo quy định mới**

## **- Quy định về thanh toán chi phí y tế cho tổ chức, trường học ngoài công lập**

## **- Quy định về trường hợp được ký hợp đồng khám chữa bệnh - BHYT**

## ****-** Xác thực dữ liệu khám chữa bệnh BHYT sẽ bắt buộc từ 01/01/2026**

## **- Trường hợp áp dụng song song quy định mới - cũ theo hướng có lợi cho người bệnh**

## **- Người thuộc diện ngân sách nhà nước đóng BHYT vẫn được hưởng quyền lợi nếu có thay đổi do sáp nhập địa phương**

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/8/2025

**5. Nghị định 179/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng**

Theo đó, người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng theo quy định trên (gọi là người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số) gồm:

- Cán bộ, công chức, viên chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về quản lý công nghệ thông tin hoặc công nghệ thông tin (bao gồm: Công nghiệp công nghệ thông tin hoặc công nghiệp công nghệ số, công nghệ số, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số); an toàn thông tin mạng hoặc an toàn thông tin, an ninh mạng; giao dịch điện tử và các vị trí việc làm khác liên quan đến chuyển đổi số do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, chuyên môn kỹ thuật và công nhân công an thuộc Công an nhân dân; sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên chức quốc phòng thuộc Quân đội nhân dân và người làm việc trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước làm chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn, an ninh mạng, bảo đảm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng và các đối tượng khác liên quan đến chuyển đổi số theo thẩm quyền của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Theo Nghị định, các đối tượng trên được hưởng mức hỗ trợ 5 triệu đồng/tháng, được trả cùng kỳ lương hằng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế. Mức hỗ trợ này được áp dụng cho đến khi thực hiện cải cách chính sách tiền lương theo chủ trương của cấp có thẩm quyền.

- Thời gian không được hưởng mức hỗ trợ gồm: Thời gian nghỉ việc không hưởng lương liên tục từ một tháng trở lên; thời gian nghỉ việc hưởng các chế độ trợ cấp bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội; thời gian bị tạm giữ, tạm giam, tạm đình chỉ công tác hoặc đình chỉ công tác; thời gian không đảm nhiệm công việc chuyên môn, nghiệp vụ quy định trên liên tục từ một tháng trở lên.

- Kinh phí thực hiện mức hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, lực lượng vũ trang do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành quy định tại Luật Ngân sách nhà nước và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, kinh phí chi trả mức hỗ trợ từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác. Đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, kinh phí chi trả mức hỗ trợ từ nguồn thu hoạt -động sự nghiệp của đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác.

- Đối với đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm một phần chi thường xuyên, kinh phí chỉ trả mức hỗ trợ từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp của đơn vị, nguồn ngân sách nhà nước cấp và nguồn thu hợp pháp khác. Ngân sách nhà nước sẽ bố trí kinh phí trên số lượng người làm công tác chuyên trách chuyển đổi số hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền giao (nếu có). Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên, do ngân sách nhà nước cấp

 Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/6/2025

**6.** **Nghị định 200/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự**

Tại Điều 8 [Nghị định 200/2025/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Nghi-dinh-200-2025-ND-CP-huong-dan-Luat-Phong-thu-dan-su-584299.aspx) quy định về nhiệm vụ, chức năng, cơ cấu của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã như sau

 - Chức năng

  Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập, có chức năng tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tổ chức, chỉ đạo, điều hành về phòng thủ dân sự trên địa bàn quản lý.

  - Nhiệm vụ

  (i) Tham mưu xây dựng và triển khai kế hoạch phòng thủ dân sự trên địa bàn quản lý; tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định ban bố, quyết định bãi bỏ phòng thủ dân sự cấp độ 1;

  (ii) Tổ chức, chỉ huy các lực lượng, phương tiện của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tham gia nhiệm vụ phòng thủ dân sự;

 (iii) Tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định các biện pháp cấp bách, huy động các nguồn lực theo thẩm quyền, tổ chức tiếp nhận và phân bổ nguồn lực hỗ trợ, cứu trợ để thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự trên địa bàn quản lý;

 (iv) Thực hiện việc truyền tin, thông báo, báo động, triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa của các cấp đến cộng đồng;

 (v) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức về phòng thủ dân sự đến tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý nhằm nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa;

(vi) Tham mưu kiểm tra, đôn đốc tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự trong địa bàn quản lý.

  - Cơ cấu tổ chức

 + Trưởng ban là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

  + Phó Trưởng ban gồm 01 Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã là Phó Trưởng ban Thường trực và 03 Phó Trưởng ban là Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự, Trưởng Công an cấp xã và Trưởng phòng Kinh tế hoặc Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai;

 + Thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định, bao gồm Trưởng các phòng chuyên môn không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này. Căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã mời đại diện lãnh đạo các tổ chức chính trị, đoàn thể cấp xã tham gia Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã;

+ Cơ quan giúp việc Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã

  Ủy ban nhân dân cấp xã giao Phòng Kinh tế hoặc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về phòng, chống thiên tai chủ trì, phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã về công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn và được cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 22/08/2025

**7. Thông tư 08/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 01/2022/TT-BTNMT ngày 07/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành Luật Bảo vệ môi trường về ứng phó với biến đổi khí hậu**

Theo đó, căn cứ tại khoản 3 Điều 1 Thông tư 08/2025/TT-BNNMT sửa đổi, bổ sung Điều 10 Thông tư 01/2022/TT-BTNMT về nội dung thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính cấp lĩnh cụ thể như sau:

(i) Sự đầy đủ về nội dung, thông tin, dữ liệu kiểm kê khí nhà kính, bao gồm:

- Đối chiếu danh mục các nguồn phát thải, bể hấp thụ, các loại khí nhà kính với hướng dẫn của IPCC và quy định pháp luật về kiểm kê khí nhà kính;

- Xem xét tính đầy đủ của các mục trong báo cáo theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 06/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 119/2025/NĐ-CP ;

- Rà soát nội dung giải trình về việc loại trừ các nguồn phát thải, bể hấp thụ có mức phát thải khí nhà kính thấp;

- Xem xét tính đầy đủ của dữ liệu, thông tin về phương pháp thu thập số liệu hoạt động, nguồn gốc hệ số phát thải và các giả định được sử dụng.

(ii) Sự phù hợp về việc xác định các nguồn phát thải, bể hấp thụ khí nhà kính, bao gồm:

- Rà soát ranh giới kiểm kê khí nhà kính mô tả trong báo cáo bảo đảm tính phù hợp và bao quát phạm vi quản lý của lĩnh vực;

- Đối chiếu việc xác định, phân loại các nguồn phát thải, bể hấp thụ khí nhà kính với hướng dẫn của IPCC và quy định pháp luật về kiểm kê khí nhà kính bảo đảm tính đầy đủ và chính xác.

(iii) Sự phù hợp của phương pháp kiểm kê khí nhà kính, hệ số phát thải áp dụng, phương pháp kiểm soát chất lượng, đảm bảo chất lượng và hệ thống thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính của Bộ quản lý lĩnh vực, bao gồm:

- Xem xét sự phù hợp, tính nhất quán và căn cứ lựa chọn phương pháp tính toán cho từng nguồn phát thải;

- Rà soát nguồn gốc và sự phù hợp của hệ số phát thải áp dụng với loại hình công nghệ, sản xuất và điều kiện thực tế của Việt Nam;

- Xem xét sự tương thích về đơn vị tính toán giữa số liệu hoạt động và hệ số phát thải;

- Rà soát kế hoạch và kết quả thực hiện quy trình đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng.

(iv) Đánh giá sự chính xác và độ tin cậy của kết quả kiểm kê khí nhà kính, bao gồm:

- Thực hiện tính toán lại trên một số mẫu đại diện của các nguồn phát thải khí nhà kính chính để kiểm tra tính chính xác của công thức và kết quả tính toán;

- Rà soát nội dung đánh giá độ không chắc chắn của kết quả kiểm kê khí nhà kính, bao gồm phương pháp, các giá trị đầu vào và công thức tổng hợp;

Phân tích kết quả kiểm kê khí nhà kính nhằm xác định các nguyên nhân chính gây ra độ không chắc chắn cao, đề xuất các giải pháp cải thiện cho kỳ kiểm kê khí nhà kính tiếp theo.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2025

**8. Thông tư 04/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành định mức dự toán chuyên ngành xây dựng công trình thuỷ lợi và đê điều**

Định mức dự toán chuyên ngành xây dựng công trình thuỷ lợi và đê điều (Định mức) quy định mức hao phí về vật liệu, lao động, máy và thiết bị thi công để hoàn thành một đơn vị khối lượng công tác xây dựng hoặc tư vấn từ khi chuẩn bị đến khi kết thúc công tác theo đúng yêu cầu kỹ thuật (kể cả những hao phí cần thiết do yêu cầu kỹ thuật và tổ chức sản xuất nhằm đảm bảo thi công xây dựng liên tục, đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật).

Các phần định mức được ban hành bao gồm 10 chương được mã hóa thống nhất theo nhóm, loại công tác; cụ thể như sau:

- Chương I: Công tác chuẩn bị mặt bằng xây dựng

- Chương II: Công tác thi công đất, đá, cát

- Chương III: Công tác khoan, phụt vữa, đóng cọc

- Chương IV: Công tác xây gạch, đá

- Chương V: Công tác thi công kết cấu bê tông

- Chương VI: Công tác sản xuất, lắp dựng cấu kiện bê tông đúc sẵn

- Chương VII: Công tác sản xuất, lắp dựng kết cấu sắt, thép

- Chương VIII: Công tác khảo sát, thí nghiệm và kiểm định

- Chương IX: Công tác tư vấn

- Chương X: Công tác khác

Hướng dẫn áp dụng định mức dự toán chuyên ngành xây dựng công trình thuỷ lợi và đê điều

- Ngoài thuyết minh áp dụng nêu trên, trong các chương của định mức còn có phần thuyết minh và hướng dẫn cụ thể đối với từng nhóm, loại công tác phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công và biện pháp thi công.

- Căn cứ vào yêu cầu kỹ thuật, điều kiện thi công và biện pháp thi công của công trình xây dựng, tổ chức tư vấn thiết kế có trách nhiệm lựa chọn định mức dự toán cho phù hợp với dây chuyền công nghệ thi công của công trình.

- Định mức dự toán các công tác xây dựng thực hiện hoàn toàn bằng thủ công chỉ được áp dụng trong trường hợp điều kiện thi công không thực hiện được bằng máy.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/8/2025.

 **9. Thông tư 10/2025/TT-BTP của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 10/2020/TT-BTP ngày 28/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư 07/2023/TT-BTP**

Bộ Tư pháp ban hành [Thông tư 10/2025/TT-BTP](https://luatvietnam.vn/tu-phap/thong-tu-10-2025-tt-btp-bo-tu-phap-404071-d1.html) sửa đổi, bổ sung về việc ghi chép, sử dụng, quản lý và lưu trữ Sổ, mẫu giấy tờ, hồ sơ nuôi con nuôi, có hiệu lực từ 04/8/2025.

Theo đó, mẫu Sổ, mẫu giấy tờ được áp dụng mới từ 04/8/2025 gồm:

- Hai mẫu Sổ

- Sáu mẫu giấy tờ dùng cho việc đăng ký nuôi con nuôi trong nước

- Mười chín mẫu giấy tờ dùng cho đăng ký nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

- Bảy mẫu giấy tờ dùng chung cho việc đăng ký nuôi con nuôi trong nước và nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài

- Bản điện tử Giấy chứng nhận nuôi con nuôi trong nước

Trong đó, thông tin tại các mẫu đơn, tờ khai đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Người thực hiện thủ tục hành chính ký chữ ký số vào mẫu đơn, tờ khai điện tử.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 04/8/2025.

**10.** **Thông tư 41/2025/TT-BCT của Bộ Công Thương ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện**

Ban hành kèm theo Thông tư 41/2025/TT-BCT là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện (Ký hiệu: QCVN 25:2025/BCT).

QCVN 25:2025/BCT về an toàn điện quy định về các biện pháp đảm bảo an toàn khi thực hiện các công việc xây dựng, vận hành, kinh doanh, thí nghiệm, kiểm định, sửa chữa đường dây dẫn điện, thiết bị điện và các công việc khác theo quy định của pháp luật.

Trong phần quy định về kĩ thuật có quy định nội dung “làm việc với phần có điện” như sau:

***\*\*Điều kiện khi làm việc có điện áp trên 01 kV***

- Những công việc làm việc có điện phải được Thủ trưởng đơn vị phê duyệt.

- Những người làm việc với công việc có điện phải được đào tạo, huấn luyện phù hợp với thiết bị, quy trình, công nghệ được trang bị.

- Phương án thi công và biện pháp an toàn phải được phê duyệt trước khi thực hiện.

- Có các quy trình thực hiện công việc theo công nghệ áp dụng.

***\*\*An toàn khi làm việc có điện***

- Khi làm việc với phần có điện, phải sử dụng trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp.

- Kiểm tra các kết cấu kim loại tại nơi làm việc có khả năng tiếp xúc phải đảm bảo không có điện.

- Khi làm việc trên hoặc gần phần có điện, nhân viên đơn vị công tác không được mang theo đồ trang sức hoặc vật dụng cá nhân bằng kim loại.

- Khi làm việc có điện, tại vị trí làm việc nhân viên đơn vị công tác phải xác định phần có điện gần nhất.

***\*\*Các biện pháp làm việc với điện hạ áp***

- Sử dụng trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện bảo vệ thích hợp khi thực hiện công việc.

- Che phủ các phần có điện xung quanh để loại bỏ nguy cơ dẫn đến nguy hiểm mất an toàn điện.

***\*\*Các biện pháp làm việc với cấp điện áp trên 01 kV***

- Khi làm việc với cấp điện áp trên 01 kV như kiểm tra, sửa chữa và vệ sinh phần có điện hoặc sứ cách điện (vật liệu cách điện khác), nhân viên đơn vị công tác sử dụng các trang bị, dụng cụ cho làm việc có điện, trong trường hợp này khoảng cách cho phép nhỏ nhất đối với các phần có điện xung quanh khác (nếu chưa được bọc cách điện) phải bảo đảm tương ứng theo cấp điện áp công tác của mạch điện quy định sau:

- Khoảng cách cho phép nhỏ nhất đối với các phần có điện xung quanh khác (nếu chưa được bọc cách điện)

+ Cấp điện áp trên 01kV đến 35kV với khoảng cách cho phép nhỏ nhất 0,6m;

+ Cấp điện áp trên 35kV đến 110kV với khoảng cách cho phép nhỏ nhất 1,0m;

+ Cấp điện áp 220kV với khoảng cách cho phép nhỏ nhất 2,0m;

+ Cấp điện áp 500kV với khoảng cách cho phép nhỏ nhất 4,0m.

- Khi chuyển các dụng cụ hoặc chi tiết bằng kim loại lên cột phải bảo đảm không vi phạm khoảng cách quy định tại điểm 25.1 Quy chuẩn Thông tư 41/2025/TT-BCT.

***\*\*Sử dụng tấm che***

- Trên đường dây trung áp, khi khoảng cách giữa dây dẫn và cột điện nhỏ hơn theo quy định tại điểm 25.1 Quy chuẩn Thông tư 41/2025/TT-BCT , cho phép tiến hành các công việc ở trên thân cột nhưng phải dùng các tấm che bằng vật liệu cách điện phù hợp với cấp điện áp.

***\*\*Gia cố trước khi làm việc có điện***

Việc sửa chữa đường dây không cắt điện chỉ được phép tiến hành khi dây dẫn và cột điện bền chắc. Trường hợp phát hiện cột không đảm bảo an toàn phải gia cố trước khi làm việc.

***\*\*Làm việc đẳng thế***

- Khi đứng trên các trang bị cách điện đã đẳng thế với dây dẫn, cấm chạm vào đầu sứ hoặc các chi tiết khác có điện áp khác với điện áp của dây dẫn.

- Khi đang ở trên trang bị cách điện đã đẳng thế với dây dẫn, cấm trao cho nhau bất cứ vật gì có thể làm mất đẳng thế.

- Cấm di chuyển trên các trang bị cách điện sau khi người đó đã đẳng thế với dây dẫn. Chỉ được phép vào và ra khỏi phần làm việc của trang bị cách điện sau khi nhân viên đơn vị công tác đã cách xa dây dẫn ở khoảng cách nhỏ nhất ghi trong bảng và sau khi đã làm mất đẳng thế người đó với dây dẫn.

- Khoảng cách nhỏ nhất khi làm việc đẳng thế:

+ Cấp điện áp đến 110kV với khoảng cách nhỏ nhất là 0,5m;

+ Cấp điện áp 220kV với khoảng cách nhỏ nhất là 1,0m;

+ Cấp điện áp 500kV với khoảng cách nhỏ nhất là 2,5m.

 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 08/8/2025

**11.** [**Thông tư 56/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính - ngân sách Nhà nước 03 năm 2026-2028**](https://luatvietnam.vn/tai-chinh/thong-tu-56-2025-tt-btc-cua-bo-tai-chinh-huong-dan-xay-dung-du-toan-ngan-sach-nha-nuoc-nam-2026-va-ke-hoach-tai-chinh-ngan-sach-nha-nuoc-03-nam-2026-2028-404557-d1.html)

## **Hướng dẫn xây dựng dự toán thu nội địa năm 2026**

Cụ thể, trong phần hướng dẫn xây dựng dự toán thu ngân sách năm 2026, thì nội dung xây dựng dự toán thu nội địa năm 2026 như sau:

- Các địa phương xây dựng dự toán thu nội địa năm 2026 phải dự kiến đầy đủ các nguồn thu NSNN phát sinh trên địa bàn theo chế độ quy định, trên cơ sở đánh giá thực tế thực hiện các năm trước, những đặc thù của năm 2026 và số kiểm tra dự toán thu năm 2026 được cơ quan có thẩm quyền thông báo.

- Dự toán thu NSNN năm 2026; đảm bảo tính đúng, đủ từng khoản thu, sắc thuế, lĩnh vực thu đối với từng địa bàn, chi tiết số thu từ các dự án mới đi vào hoạt động có số thu lớn theo các quy định hiện hành; chi tiết theo từng khoản thu phí, lệ phí theo quy định; các quy định điều chỉnh chính sách theo lộ trình tiếp tục ảnh hưởng tới số thu NSNN năm 2026 và các quy định dự kiến sẽ được sửa đổi, bổ sung, áp dụng trong năm 2026.

- Thu NSNN từ khai thác, xử lý tài sản công sau khi trừ đi các chi phí có liên quan được tổng hợp đầy đủ thực hiện nộp NSNN. Thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Nghị định 148/2021/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung Nghị định này.

Đối với tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thực hiện phân chia theo pháp luật về NSNN. Riêng thu từ tiền sử dụng đất quốc phòng, an ninh kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện theo pháp luật về đất đai và Điều 201, 260 [Luật Đất đai 2024](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bat-dong-san/Luat-Dat-dai-2024-31-2024-QH15-523642.aspx).

- Dự toán các khoản thu phí, lệ phí từ các hoạt động dịch vụ do cơ quan hành chính nhà nước thực hiện (chỉ tiết từng khoản thu), bao gồm:

+ Dự toán thu phí, lệ phí phải nộp 100% NSNN theo quy định;

+ Dự toán chi cho công tác thu: Trên cơ sở nội dung đánh giá tại tiết l Khoản 2 Điều 4 Thông tư 56/2025, lập dự toán năm 2026 bao gồm các nhiệm vụ chuyển tiếp, các nhiệm vụ thực hiện trong 01 năm dự toán (kèm thuyết minh chi tiết).

- Dự toán các khoản thu xử phạt vi phạm hành chính, thu phạt, tịch thu, thu tiền đấu giá biển số xe và các khoản nộp NSNN khác trong năm 2026 theo quy định.

- Đối với các khoản thu không tổng hợp vào cân đối NSNN theo quy định (thu phí, thu dịch vụ sự nghiệp công, học phí, giá dịch vụ y tế, các khoản thu hợp pháp khác được để lại theo quy định), các cơ quan, đơn vị phải lập dự toán riêng, thuyết minh cơ sở tính toán và xây dựng phương án sử dụng gửi cơ quan quản lý cấp trên, báo cáo cơ quan tài chính cùng cấp theo quy định.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 09/8/2025

**12. Thông tư 29/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường**

Theo đó, trình tự thực hiện giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được quy định như sau:

+ Xem xét, đánh giá, thu thập thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung và đối tượng giám định;

+ Tiến hành giám định: căn cứ từng nội dung trưng cầu giám định tư pháp, người thực hiện giám định nghiên cứu, đối chiếu hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu liên quan với các quy chuẩn chuyên môn áp dụng cho hoạt động giám định tư pháp để đưa ra nhận xét, đánh giá từng nội dung yêu cầu giám định;

+ Xây dựng, ban hành Kết luận giám định;

+ Lập và lưu trữ hồ sơ giám định.

- Người giám định tư pháp khi thực hiện giám định có quyền sử dụng kết quả thực nghiệm, xét nghiệm bổ sung hoặc kết luận chuyên môn do cá nhân, tổ chức khác có đủ điều kiện, năng lực thực hiện nhằm phục vụ cho việc giám định.

- Người giám định tư pháp phải lập văn bản ghi nhận toàn bộ quá trình thực hiện giám định theo quy định tại Điều 31 [Luật Giám định tư pháp 2012](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thu-tuc-To-tung/Luat-giam-dinh-tu-phap-2012-142764.aspx) và theo mẫu tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư 29/2025/TT-BNNMT.

Cụ thể, văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp như sau:

+ Người thực hiện giám định tư pháp phải ghi nhận kịp thời, đầy đủ, trung thực bằng văn bản toàn bộ quá trình thực hiện vụ việc giám định.

+ Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp nêu rõ tình trạng đối tượng gửi giám định và thông tin, tài liệu có liên quan gửi kèm theo làm căn cứ để thực hiện giám định, thời gian, địa điểm, nội dung công việc, tiến độ, phương pháp thực hiện giám định, kết quả thực hiện và phải có chữ ký của người giám định tư pháp.

+ Văn bản ghi nhận quá trình thực hiện giám định tư pháp phải được lưu trong hồ sơ giám định.

- Trong quá trình thực hiện giám định tư pháp, nếu có nội dung mới hoặc vấn đề khác phát sinh thì cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải thông báo ngay bằng văn bản cho người trưng cầu giám định tư pháp biết và thống nhất phương án giải quyết.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 11/8/2025

**13.** **Thông tư 02/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người**

Ban hành kèm theo Thông tư 02/2025/TT-BTNMT là Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2025/BTNMT. Trong đó có quy định về phương pháp xác định khoảng cách an toàn môi trường đối với khu dân cư.

## **Phương pháp xác định khoảng cách an toàn môi trường đối với khu dân cư**

Căn cứ theo Mục 3 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2025/BTNMT hướng dẫn phương pháp xác định khoảng cách an toàn môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người như sau:

- Khoảng cách an toàn về môi trường (LKCATMT) được xác định từ nguồn phát thải của từng hạng mục của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người đến công trình gần nhất của khu dân cư.

- Khoảng cách an toàn về môi trường (LKCATMT) tính từ điểm phát thải đến công trình gần nhất của khu dân cư của các hạng mục công trình của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn tác động xấu đến sức khỏe con người được tính bằng công thức sau đây:

LKCATMT = KCN x LKCCS

Trong đó:

KCN: Hệ số điều chỉnh theo mức độ công nghệ áp dụng quy định tại Bảng 2 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2025/BTNMT.

LKCCS: Khoảng cách an toàn về môi trường cơ sở theo giá trị tại Bảng 1 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2025/BTNMT.

- Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nhiều nguồn phát thải, khoảng cách an toàn về môi trường được xác định từ nguồn phát thải gần nhất của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng đến khu dân cư. Trường hợp không xác định được chính xác nguồn phát thải sẽ được quy đổi về nguồn điểm bằng việc xác định một vị trí trên chu vi của nguồn thải. Khoảng cách an toàn về môi trường được xác định từ vị trí quy đổi đến công trình gần nhất của khu dân cư.

- Phương pháp đo khoảng cách an toàn về môi trường cho nguồn phát thải điểm là xác định tọa độ điểm phát thải và tọa độ ranh giới khu dân cư trên cơ sở xác định hệ tọa độ chuẩn quốc gia VN2000.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 12/08/2025

 **ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KỲ VĂN**